

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-12-2020
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỐN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Vương
2. Ông Trịnh Văn Đoan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vũ Phương T, sinh năm 1986. Vắng mặt

- Bị đơn: Chị Vũ Thị L, sinh năm: 1989. Vắng mặt

Cùng trú tại: Tổ 4, ấp 5, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Vũ Phương T trình bày:

Anh T và chị L sau thời gian quen biết, tìm hiểu thì tự nguyện về chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước năm 2007. Hai vợ chồng sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị L nghiện cờ bạc, số đề không lo cho chồng con. Hai vợ chồng đã ly thân, không còn sống chung được 07 năm, không quan tâm cho nhau. Do tình cảm không còn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, anh T không muốn kéo dài cuộc hôn nhân này nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị L.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh T và chị L có 02 người con tên Vũ Thiện T1 – sinh năm 2008 và Vũ Thị Thúy L1, sinh năm 2010. Anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T1 còn để chị L trực tiếp nuôi cháu L1. Do mỗi người nuôi một người con chung nên anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: trong quá trình chung sống, hai vợ chồng không nợ ai cũng không cho ai vay nợ.

Trong quá trình giải quyết, chị L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không tiến hành thu thập được ý kiến của chị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình và bị đơn đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc ly hôn với chị L, giao con chung Vũ Thiện T1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Vũ Thị Thúy L1 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Vũ Phương T khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Vũ Thị L cư trú tại tổ 4, ấp 5, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Anh T và chị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng chị L vắng mặt không có lý do, anh T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh T, chị L theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Vũ Phương T thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của anh T tại đơn khởi kiện, bản tự khai cùng biên bản xác minh ngày 14/11/2020 thấy rằng anh T và chị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước vào năm 2007. Hai vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn và không sống chung từ đó cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa các bên đã đến mức trầm trọng, cuộc sống vợ chồng

không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên không cần thiết kéo dài cuộc hôn nhân này. Anh T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Anh T và chị L có 02 con chung là tên Vũ Thiện T1 – sinh năm 2008 và Vũ Thị Thúy L1, sinh năm 2010. Khi ly hôn, anh T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vũ Thiện T1 còn chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu L1. Xét thấy, mặc dù chị L1 không có mặt tại Tòa án để thể hiện nguyện vọng muốn nuôi cháu L1, nhưng qua xác minh tại địa phương thì cháu L1 hiện đang sống cùng chị L1, do chị L1 nuôi dưỡng, cháu L1 cũng có nguyện vọng sống chung với chị L, còn cháu T1 hiện đang sống với anh T và có nguyện vọng muốn sống cùng anh T khi anh T và chị L ly hôn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T về việc giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Vũ Thiện T1 và giao chị L được trực tiếp nuôi con chung Vũ Thị Thúy L1.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T, chị L không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa anh Vũ Phương T và chị Vũ Thị L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 59 ngày 24/5/2007 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện B (nay là huyện H), tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao cháu Vũ Thiện T1 – sinh năm 2008 cho anh Vũ Phương T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Vũ Thị Thúy L1, sinh năm 2010 cho chị Vũ Thị L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền thay đổi mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng bên kia không đáp ứng được quyền lợi của con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí: Anh Vũ Phương T phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001897 ngày 05/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện H;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải